

Số: /BVNTBN-D-TTBYT
V/v mời báo giá trang thiết bị y tế
năm 2025

Bắc Ninh, ngày 01 tháng 8 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Nội tiết Bắc Ninh đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: "*Mua trang thiết bị y tế năm 2025*" phục vụ công tác khám chữa bệnh tại bệnh viện.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nội tiết Bắc Ninh.

Địa chỉ: Đường Mỹ Cầu, phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ks Đoàn Chúc Thương – Chức vụ: Nhân viên khoa Dược - TTBYT –

ĐT: 0985.38.85.85

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: nhận đồng thời qua hai hình thức:

- Nhận trực tiếp (hoặc qua bưu điện) tại địa chỉ: Bộ phận văn thư Bệnh viện Nội tiết Bắc Ninh. Địa chỉ: Đường Mỹ Cầu, phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh..

- Nhận qua email: baogiabvntbg@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 01/08/2025 đến trước 17h ngày 11/08/2025. (nhận trực tiếp trong giờ hành chính)

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày 11/08/2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật của trang thiết bị y tế được đề nghị mua sắm: chi tiết theo phụ lục đính kèm.

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện Nội tiết Bắc Ninh

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 90 ngày kể từ ngày có kết quả lựa chọn nhà thầu.

4. Ghi chú : Yêu cầu nhà cung cấp gửi catalogue, tài liệu kỹ thuật thể hiện đầy đủ thông số kỹ thuật, tính năng của hàng hoá.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Lãnh đạo đơn vị,
- Đăng tải website bệnh viện,
muasamcong.moi.gov.vn
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

Hoàng Xuân Thúc

Phụ lục: Mẫu báo giá

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Nội tiết Bắc Ninh

Căn cứ yêu cầu báo giá số: /BVNT-D-TTBYT ngày tháng năm 2025 của **Bệnh viện Nội tiết Bắc Ninh**, chúng tôi
[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá
(gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục thiết bị y tế	Tên thương mại (nếu có)	Ký, mã hiệu, model	Hãng sản xuất- Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu/ Nước chủ sở hữu	Cấu hình cung cấp	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Mã HS	Năm sản xuất	Số lượng	Đơn giá Đã bao gồm thuế phí và các chi phí liên quan	Thành tiền (VND)
1												
2												
	Tổng cộng											

(đơn giá chào đã bao gồm toàn bộ thuế, phí và chi phí vận chuyển, bàn giao,lắp đặt tại nơi sử dụng)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 120 ngày], kể từ ngày 11/08/2025.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.
- Hàng hóa mới 100%, thời gian bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất tại nơi sử dụng.

4. Gửi kèm Báo giá các tài liệu sau:

- Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa chào giá gồm: Catalog và các tài kỹ thuật khác phản ánh đặc tính, thông số kỹ thuật của trang thiết bị (nếu có);
- Hợp đồng mua bán trang thiết bị y tế báo giá đã hoàn thành (nếu có); Kết quả trúng thầu trong vòng 1 năm trở lại đây (Quyết định trúng thầu và/hoặc hợp đồng mua bán ...)

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA HÃNG SẢN XUẤT/

NHÀ CUNG CẤP⁽¹²⁾

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số: /BVNTBN-D-TTBYT ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Bệnh viện Nội tiết Bắc Ninh)

STT	Tên trang thiết bị y tế	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bộ dụng cụ phẫu thuật	Yêu cầu kỹ thuật chung	Bộ	03
		. Thiết bị mới 100%		
		. Sản xuất từ 2024 trở lại đây		
		. Yêu cầu xuất xứ: Nước sản xuất hoặc hãng chủ sở hữu: G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Italia, Canada, Nhật).		
		. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		
		. Đạt tối thiểu một trong các chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ); CE (Châu Âu); EU MDR hoặc tương đương		
		Yêu cầu kỹ thuật chi tiết		
		Tất cả hàng hoá đồng bộ chính hãng		
		Kích thước của các dụng cụ trong bộ dụng cụ được phép $\leq \pm 5\%$		
		Chất liệu: Các dụng cụ bằng thép được làm bằng thép không gỉ.		
		- Cấu hình tối thiểu bao gồm:		
		1. Cán dao số 3: 1 chiếc		
		2. Kẹp khăn BACKHAUS hoặc tương đương, dài 11cm: 4 chiếc		
		3. Panh sát khuẩn GROSS-MAIER hoặc tương đương, thẳng, dài 20cm: 1 chiếc		
		4. Kẹp FOERSTER hoặc FOERSTER-BALLENGER hoặc tương đương, thẳng, ngàm răng cưa, dài 18cm: 1 chiếc		
		5. Bánh WEITLANER hoặc tương đương, 3X4 răng tù, dài 13cm: 1 chiếc		
		6. Bánh FINSSEN hoặc tương đương, 3X4 răng nhọn, dài 7cm: 1 chiếc		
		7. Bánh tự giữ FRIEDMAN hoặc tương đương, dài 15.5cm: 1 chiếc		
		8. Bộ bánh FARABEUF hoặc tương đương, Fig 1+2, dài 15cm: 1 bộ		
		9. Bộ bánh PARKER- LANGENBECK US-ARMY hoặc tương đương, Fig 1+2: 1 bộ		
		10. Kẹp mạch máu COLLER hoặc tương đương, cong, dài 14cm: 8 chiếc		
		11. Kẹp mạch máu HALSTED-MOSQUITO hoặc tương đương, cong, dài 12.5cm: 6 chiếc		
		12. Kẹp mạch máu COLLER hoặc tương đương, cong, dài 16cm: 6 chiếc		

		13. Kẹp mô SEMKEN hoặc tương đương, 1X2 răng, thẳng, dài 15.5cm: 2 chiếc		
		14. Kẹp phẫu tích NARROW hoặc tương đương, dài 16cm: 2 chiếc		
		15. Kẹp mạch máu DE BAKEY hoặc tương đương, không tổn thương, 2.0mm, dài 16cm: 1 chiếc		
		16. Kẹp mạch máu DE BAKEY hoặc tương đương, không tổn thương, 2.0mm, dài 20cm: 1 chiếc		
		17. Kẹp răng chuột ALLIS hoặc tương đương, 5X6 răng, dài 15cm: 6 chiếc		
		18. Kẹp răng chuột ALLIS hoặc tương đương, 5X6 răng, dài 20cm: 2 chiếc		
		19. Kéo MAYO-STILLE hoặc tương đương, cán vàng, cong, tù/tù, dài 15.0cm: 1 chiếc		
		20. Kéo phẫu tích TOENNIS-ADSON hoặc tương đương, cán vàng, cong, dài 17.5cm: 1 chiếc		
		21. Kéo METZENBAUM hoặc tương đương, cán vàng, cong, tù/tù, dài 14.5cm: 1 chiếc		
		22. Kẹp kim MAYO-HEGAR hoặc tương đương, cán vàng, dài 16.0cm: 1 chiếc		
		23. Kẹp kim MAYO-HEGAR-DELICATE hoặc tương đương, mảnh, dài 16.0cm: 1 chiếc		
		24. Kẹp kim MAYO-HEGAR hoặc tương đương, cán vàng, dài 18.0cm: 1 chiếc		
		25. Bát tròn, kích thước Ø 128x55mm: 2 chiếc		
2	Máy theo dõi bệnh nhân 7 thông số	Yêu cầu kỹ thuật chung	Chiếc	03
		. Năm sản xuất: 2024 trở lại đây		
		. Chất lượng máy: Mới 100%		
		. Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO-13485		
		. Nguồn điện: 220±10%V/50-60Hz		
		. Môi trường hoạt động:		
		Nhiệt độ tối đa đến ≥40°C		
		Độ ẩm tối đa đến ≥80%		
		Yêu cầu kỹ thuật chi tiết		

		* Cấu hình tối thiểu bao gồm: - Máy chính: 01 chiếc. - Phụ kiện đi kèm gồm: 1. Bộ cáp và điện cực đo điện tim: 01 bộ 2. Bao đo huyết áp NIBP cho người lớn, sử dụng nhiều lần: 01 chiếc 3. Bao đo huyết áp NIBP cho trẻ em, sử dụng nhiều lần: 01 chiếc 4. Bộ đo SpO2 sử dụng nhiều lần: 01 bộ 5. Bộ đo nhiệt độ da sử dụng nhiều lần: 01 chiếc 6. Bộ đo huyết áp xâm lấn IBP: 01 bộ 7. Bộ đo CO2: 01 bộ 8. Dây nguồn: 01 chiếc 9. Ấc quy tự nạp hoặc pin tích hợp trong máy chính: 01 chiếc 10. Máy in tích hợp sẵn với máy chính: 01 chiếc 11. Xe đẩy đặt máy: 01 chiếc 12. Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ		
		* Tính năng kỹ thuật: - Theo dõi, cảnh báo các thông số cơ bản: điện tim (ECG), nhịp thở, độ bão hòa oxy trong máu (SpO2), nhiệt độ, huyết áp không xâm lấn (NIBP), huyết áp xâm lấn (IBP), EtCO2 (CO2 mainstream) của bệnh nhân.		
		- Tính năng kỹ thuật chi tiết: 1. ECG: - Kiểu đạo trình: ≥ 3 đạo trình - Có khả năng loại bỏ xung tạo nhịp - Có báo động loạn nhịp. - Có khả năng loại bỏ sóng T cao		
		2. Nhịp thở - Dải đo: 0 đến 150 nhịp/phút - Độ chính xác: $\pm \leq 3$ nhịp/phút - Thời gian phục hồi sau sốc: ≤ 10 giây - Có báo động ngừng thở		
		3. SpO2 - Dải đo: 0 đến 100% - Dải hiển thị: khoảng 70% đến 100% - Độ chính xác của phép đo: $\pm \leq 3\%$ - Dải đo nhịp mạch: ≤ 30 nhịp/ phút đến ≥ 250 nhịp/ phút		

	4. Nhiệt độ: - Số kênh đo nhiệt độ: ≥ 2 - Dải đo: 0 độ C đến ≥ 45 độ C - Độ chính xác của phép đo: $\pm \leq 0.3$ độ C - Độ trôi nhiệt $\pm \leq 0.005$ độ C/độ C - Khoảng thời gian cập nhật số đo: ≤ 3 giây hoặc khi có báo động		
	5. NIBP - Phương thức đo tối thiểu: bằng tay, theo chu kỳ - Đối tượng bệnh nhân: sơ sinh, trẻ em, người lớn - Có giới hạn áp suất và thời gian khi bơm để đảm bảo an toàn - Phạm vi sai số: ≤ 3 mmHg - Dải huyết áp tâm thu: + Trẻ em: ≤ 40 mmHg đến ≥ 200 mmHg + Người lớn: ≤ 40 mmHg đến ≥ 250 mmHg + Sơ sinh: ≤ 40 mmHg đến ≥ 130 mmHg - Dải huyết áp tâm trương: + Người lớn: ≤ 10 mmHg đến ≥ 200 mmHg + Trẻ em: ≤ 10 mmHg đến ≥ 150 mmHg + Sơ sinh: ≤ 10 mmHg đến ≥ 90 mmHg - Dải huyết áp trung bình: + Người lớn: ≤ 20 mmHg đến ≥ 230 mmHg + Trẻ em: ≤ 20 mmHg đến ≥ 160 mmHg + Sơ sinh: ≤ 20 mmHg đến ≥ 100 mmHg		
	6. IBP - Các mục hiển thị: tâm thu, tâm trương, trung bình. - Dải đo: từ ≤ -40 mmHg đến ≥ 300 mmHg. - Độ chính xác: $\pm \leq 4\%$ hoặc $\pm \leq 4$ mmHg		
	7. EtCO₂ - Dải đo: 0 đến ≥ 100 mmHg - Cập nhật số đo: ≤ 3 giây hoặc khi có báo động - Dải đếm nhịp thở: từ ≤ 3 nhịp/phút đến ≥ 150 nhịp/phút. Độ chính xác khi đếm nhịp thở: $\pm \leq 10\%$ nhịp/phút - Thời gian đáp ứng hệ thống: ≤ 1 giây. - Có thể cài đặt giới hạn báo động cao/thấp - Có thể theo dõi ngừng thở.		

		8. Màn hình hiển thị - Màn hình màu, cảm ứng, có chức năng điều khiển, cài đặt thông số hoàn toàn bằng màn hình cảm ứng. - Kích thước màn hình ≥ 10 inch, độ phân giải $\geq 800 \times 600$ dots - Hiển thị sóng: nhịp tim, nhịp thở, sóng xung SpO2, CO2, IBP - Hiển thị số: nhịp tim, VPC, ST, nhịp thở, NIBP, SpO2, nhịp xung, nhiệt độ, IBP. - Tốc độ quét: tối thiểu 4 lựa chọn (6.25 mm/s, 12.5 mm/s, 25 mm/s, 50mm/s)		
		9. Chức năng báo động - Các mức báo động: có đủ 3 mức: khẩn cấp, cảnh báo, thông báo - Có các loại báo động: bằng âm thanh, đèn nhấp nháy, đánh dấu tin nhắn.		
		10. Yêu cầu máy in Máy in được thiết kế đồng bộ gắn liền với máy chính Tốc độ in: ≥ 2 mức, tối thiểu có 12.5; 25 mm/ giây		
3	Máy theo dõi bệnh nhân 6 thông số	Yêu cầu kỹ thuật chung	Chiếc	01
		. Năm sản xuất: 2024 trở lại đây		
		. Chất lượng máy: Mới 100%		
		. Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO-13485		
		. Nguồn điện: 220 $\pm$ 10%V/50-60Hz		
		. Môi trường hoạt động:		
		Nhiệt độ tối đa đến $\geq 40^{\circ}\text{C}$		
		Độ ẩm tối đa đến $\geq 80\%$		
		Yêu cầu kỹ thuật chi tiết		

		* Cấu hình tối thiểu bao gồm: - Máy chính: 01 chiếc. - Phụ kiện đi kèm gồm: 1. Bộ cáp và điện cực đo điện tim: 01 bộ 2. Bao đo huyết áp NIBP cho người lớn, sử dụng nhiều lần: 01 chiếc 3. Bao đo huyết áp NIBP cho trẻ em, sử dụng nhiều lần: 01 chiếc 4. Bộ đo SpO2 sử dụng nhiều lần: 01 bộ 5. Bộ đo nhiệt độ da sử dụng nhiều lần: 01 chiếc 6. Bộ đo huyết áp xâm lấn IBP: 01 bộ 7. Dây nguồn: 01 chiếc 8.Ắc quy tự nạp hoặc pin tích hợp trong máy chính: 01 chiếc 9. Máy in tích hợp sẵn với máy chính: 01 chiếc 10. Xe đẩy đặt máy: 01 chiếc 11. Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ		
		* Tính năng kỹ thuật: - Theo dõi, cảnh báo các thông số cơ bản: điện tim (ECG), nhịp thở, độ bão hòa oxy trong máu (SpO2), nhiệt độ, huyết áp không xâm lấn (NIBP), huyết áp xâm lấn (IBP).		
		- Tính năng kỹ thuật chi tiết: 1. ECG: - Kiểu đạo trình: ≥ 3 đạo trình - Có khả năng loại bỏ xung tạo nhịp - Có báo động loạn nhịp. - Có khả năng loại bỏ sóng T cao		
		2. Nhịp thở - Dải đo: 0 đến 150 nhịp/phút - Độ chính xác: $\pm \leq 3$ nhịp/phút - Thời gian phục hồi sau sốc: ≤ 10 giây - Có báo động ngừng thở		
		3. SpO2 - Dải đo: 0 đến 100% - Dải hiển thị: khoảng 70% đến 100% - Độ chính xác của phép đo: $\pm \leq 3\%$ - Dải đo nhịp mạch: ≤ 30 nhịp/ phút đến ≥ 250 nhịp/ phút		

		4. Nhiệt độ: - Số kênh đo nhiệt độ: ≥ 2 - Dải đo: 0 độ C đến ≥ 45 độ C - Độ chính xác của phép đo: $\pm \leq 0.3$ độ C - Độ trôi nhiệt $\pm \leq 0.005$ độ C/độ C - Khoảng thời gian cập nhật số đo: ≤ 3 giây hoặc khi có báo động 5. NIBP - Phương thức đo tối thiểu: bằng tay, theo chu kỳ - Đối tượng bệnh nhân: sơ sinh, trẻ em, người lớn - Có giới hạn áp suất và thời gian khi bơm để đảm bảo an toàn - Phạm vi sai số: ≤ 3 mmHg - Dải huyết áp tâm thu: + Trẻ em: ≤ 40 mmHg đến ≥ 200 mmHg + Người lớn: ≤ 40 mmHg đến ≥ 250 mmHg + Sơ sinh: ≤ 40 mmHg đến ≥ 130 mmHg - Dải huyết áp tâm trương: + Người lớn: ≤ 10 mmHg đến ≥ 200 mmHg + Trẻ em: ≤ 10 mmHg đến ≥ 150 mmHg + Sơ sinh: ≤ 10 mmHg đến ≥ 90 mmHg - Dải huyết áp trung bình: + Người lớn: ≤ 20 mmHg đến ≥ 230 mmHg + Trẻ em: ≤ 20 mmHg đến ≥ 160 mmHg + Sơ sinh: ≤ 20 mmHg đến ≥ 100 mmHg 6. IBP - Các mục hiển thị: tâm thu, tâm trương, trung bình. - Dải đo: từ ≤ -40 mmHg đến ≥ 300 mmHg. - Độ chính xác: $\leq \pm 4$ mmHg hoặc $\leq \pm 4\%$ tùy theo giá trị nào lớn hơn. 7. Màn hình hiển thị - Màn hình màu, cảm ứng, có chức năng điều khiển, cài đặt thông số hoàn toàn bằng màn hình cảm ứng. - Kích thước màn hình ≥ 10 inch, độ phân giải $\geq 800 \times 600$ dots - Hiển thị sóng: nhịp tim, nhịp thở, sóng xung, SpO2, IBP - Hiển thị số: nhịp tim, VPC, ST, nhịp thở, NIBP, SpO2, nhịp xung, nhiệt độ, IBP. - Tốc độ quét: tối thiểu 4 lựa chọn (6.25 mm/s, 12.5 mm/s, 25 mm/s, 50 mm/s) 8. Chức năng báo động - Các mức báo động: có đủ 3 mức: khẩn cấp, cảnh báo, thông báo - Có các loại báo động: bằng âm thanh, đèn nhấp nháy, đánh dấu tin nhắn.		
--	--	--	--	--

		9. Yêu cầu máy in Máy in được thiết kế đồng bộ gắn liền với máy chính Tốc độ in: ≥ 2 mức, tối thiểu có 12.5; 25 mm/ giây		
4	Nồi hấp tiệt trùng sấy chân không	Yêu cầu kỹ thuật chung	Chiếc	01
		Năm sản xuất: 2024 trở lại đây		
		Chất lượng máy: Mới 100%		
		Đạt tiêu chuẩn quản lý Chất lượng: ISO-13485		
		Nguồn điện: 220V $\pm$ 10%/50Hz-60Hz		
		Môi trường hoạt động		
		+ Nhiệt độ tối đa đến 40°C		
		+ Độ ẩm tối đa đến 85%		
		* Cấu hình tối thiểu cung cấp:		
		1. Máy chính: 01 chiếc		
		2. Phụ kiện kèm theo:		
		Khay đựng đồ: 01 chiếc		
		Dây nguồn: 01 chiếc		
		Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ		
		* Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:		
		Quy trình tiệt trùng được tiến hành hoàn toàn tự động		
		Các thông số trong quá trình tiệt trùng được hiển thị trên màn hình		
		Các quy trình được điều khiển bằng bộ vi xử lý.		
		Tối thiểu hấp sấy được các loại dụng cụ: dụng cụ phẫu thuật, đồ vải.		
		Loại bỏ không khí bằng hút chân không và sấy chân không		
		Nhiệt độ hấp tối đa ≥ 134 độ C		
		Áp suất hoạt động tối đa: ≥ 2.1 bar		
		Dung tích buồng hấp ≥ 60 lít		
		Đường kính khoang tiệt trùng: ≥ 350 mm		